

Số: 70/2026/QĐST-HNGĐ

Thành phố Huế, ngày 09 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 07/2026/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2026, giữa:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1987; Căn cước công dân số 046087000374 cấp ngày 17/02/2021 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội – Bộ C; Địa chỉ: Thôn B, xã N, thành phố H.

Bị đơn: Chị Đinh Thị Mỹ D, sinh năm 1991; Căn cước công dân số 046191001870 cấp ngày 17/4/2021 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội – Bộ C; Địa chỉ: Thôn B, xã N, thành phố H.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 02 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 02 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Nguyễn Văn T và chị Đinh Thị Mỹ D.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Anh Nguyễn Văn T và chị Đinh Thị Mỹ D công nhận vợ chồng có 03 người con chung là Nguyễn Gia H, sinh ngày 29/9/2014; Nguyễn Chí H1, sinh ngày 09/5/2018 và Nguyễn Huyền Hà M, sinh ngày 03/02/2020. Anh Nguyễn Văn T và chị Đinh Thị Mỹ D thoả thuận: Giao cả 03 người con chung là Nguyễn Gia H, Nguyễn Chí H1 và Nguyễn Huyền Hà M cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên (Đủ 18 tuổi). Chị Đinh Thị Mỹ D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Huyền Hà M mỗi tháng là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) kể từ ngày Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thành niên (Đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (Đối các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra Quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2.2. Về tài sản chung: Anh Nguyễn Văn T và chị Đinh Thị Mỹ D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Nghĩa vụ về tài sản chung: Anh Nguyễn Văn T và chị Đinh Thị Mỹ D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn T và chị Đinh Thị Mỹ D thỏa thuận, anh Nguyễn Văn T tự nguyện chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm mà anh T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001580 ngày 31/12/2025 của Thi hành án dân sự thành phố H. Anh Nguyễn Văn T đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Huế;
 - VKSND KV 4 - Huế;
 - Phòng THADS KV 4 - Huế;
 - UBND xã Nam Đông, TP Huế
- (ĐKKH ngày 08/10/2013
tại UBND xã Hương Sơn,
huyện Nam Đông (cũ));
- Lưu hồ sơ vụ án.
 - Lưu dán.

THẨM PHÁN

Lê Thị Quý Vân